



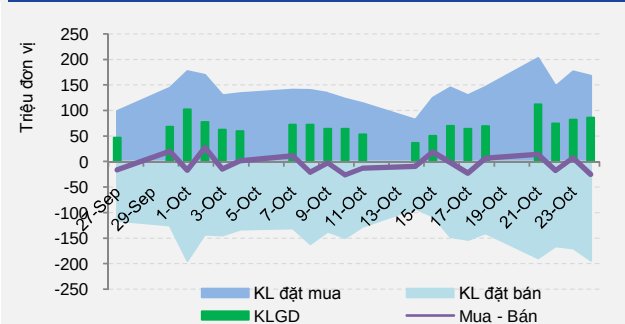
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 24/10/2013

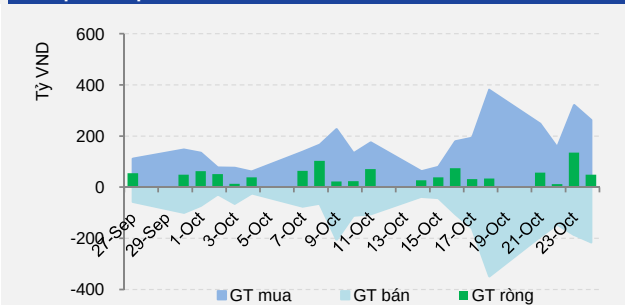
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	501.2	61.9
% Thay đổi	↓ -0.6%	↓ -0.4%
KLGD (CP)	86,402,224	41,193,061
GTGD (tỷ đồng)	1,301.24	350.77
Tổng cung (CP)	193,002,810	74,758,200
Tổng cầu (CP)	167,937,020	59,221,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,816,731	592,480
KL mua (CP)	6,278,771	2,332,037
GTmua (tỷ đồng)	262.79	18.13
GT bán (tỷ đồng)	214.35	9.40
GT ròng (tỷ đồng)	48.45	8.72

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.53%	7.5	1.6	1.9%
Công nghiệp	↓ -0.84%	360.5	1.0	23.5%
Dầu khí	↓ -0.89%	7.5	1.5	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.11%	13.8	1.8	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.33%	8.7	2.8	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.32%	12.4	5.0	19.4%
Ngân hàng	↓ -0.40%	7.2	1.3	5.0%
Nguyên vật liệu	↓ -0.20%	9.1	2.0	8.9%
Tài chính	↓ -1.09%	17.8	2.5	25.5%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.40%	8.9	3.3	10.7%
VN - Index	↓ -0.57%	13.0	2.9	78.8%
HNX - Index	↓ -0.39%	32.2	1.5	21.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	571,920	0.7%	495,960	0.6%
GTGD (tỷ VND)	12,739	1.0%	13,212	1.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm dần về cuối phiên trước áp lực cung hàng bắt đáy trong phiên đầu tuần về tài khoản. Đà giảm khởi đầu từ nhóm cổ phiếu nhỏ mang tính đầu cơ đã tăng nóng như PVT, TDH... và lan sang thị trường chung. Khối lượng bán không nhỏ, tuy nhiên lực cầu bắt đáy khá tốt, thị trường chỉ giảm điểm nhẹ với KLGD tăng so với phiên trước. Thị trường dự báo dao động giằng co quanh mốc 500 điểm phiên ngày mai. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm tiếp nối của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy, với ngưỡng cản gần nhất là khoảng 513 điểm.

Chỉ số HNX-Index cũng ghi nhận phiên giảm điểm khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm và áp lực cung hàng bắt đáy từ đầu tuần về tài khoản. Tuy nhiên lực cầu tham gia thị trường vẫn khá tích cực, các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục và có thể xem xét tận dụng nhịp điều chỉnh để tích lũy thêm cổ phiếu cơ bản, dự báo có kết quả kinh doanh tốt và chưa phản ánh nhiều vào giá trong thời gian qua.

- VN-Index giảm 2.88 điểm (0.57%), xuống 501.17 điểm, gần mức thấp nhất trong phiên.

- HNX-Index giảm 0.24 điểm (0.39%), xuống 61.89 điểm. Mức thấp nhất của chỉ số trong phiên là 61.77 điểm.

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 tăng 0.49% so với tháng 9, giảm so với mức tăng 0.85% thời điểm cùng kỳ năm 2012. Với mức tăng này, CPI tháng 10 tăng 5.14% so với đầu năm và tăng 5.92% so với cùng kỳ, giảm so với mức tăng 6.3% đã thiết lập vào tháng 9. Chỉ số CPI so cùng kỳ dự báo tăng nhẹ trở lại về cuối năm, khi CPI hai tháng cuối năm 2012 ở mức khá thấp. Tuy nhiên thực tế sức mua toàn nền kinh tế còn yếu tiếp tục là yếu tố hạn chế tốc độ tăng CPI. CPI cả năm 2013 dự báo quanh mức 7%.

- Lãi suất liên Ngân hàng có diễn biến tăng khá mạnh, lãi suất qua đêm lên 4.5-5%/năm. Tham khảo thực tế từ các Ngân hàng, lượng cung tiền từ nhóm Ngân hàng lớn giảm khá mạnh. Chúng tôi cho rằng khả năng lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng mạnh không nhiều, khi NHNN vẫn đang cung tiền qua OMO với lãi suất 5.5%. Với mức lãi suất hiện nay, khối lượng cung tiền từ nhóm các NHTMCP khá dồi dào.

- Trên cơ sở rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư của các dự án đang đầu tư dở dang bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và các nhu cầu cấp bách theo đề nghị của các bộ ngành và địa phương, Chính phủ trình Quốc hội cho phép phát hành bổ sung 170 nghìn tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016, không bao gồm 75 nghìn tỷ đồng đã có trong kế hoạch 2012-2015. Với phương án này, dư nợ công, dư nợ Chính phủ tính đến cuối năm 2015 cũng như cuối 2016 vẫn đảm bảo an toàn theo quy định, có khả năng huy động và cân đối được nguồn trả nợ.

- Tính đến thời điểm này, VAMC đã mua được 7807 tỷ đồng dư nợ gốc với giá mua 6484 tỷ đồng, phát hành 3860 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt. Dự kiến, từ nay đến hết tháng 10, VAMC sẽ mua 10 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Đến nay đã có hơn 20 tổ chức tín dụng đến tìm hiểu việc mua bán nợ, trong đó có 13 tổ chức tín dụng đã nộp hồ sơ. Để đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu của nhóm 4 Ngân hàng quốc doanh, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ toàn hệ thống, ngày 23/10, lãnh đạo NHN, VAMC và bốn ngân hàng gốc quốc doanh đã họp về việc bán nợ xấu cho VAMC.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 2.88 điểm (0.57%), xuống 501.17 điểm, gần mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD tăng 8% so với phiên trước, đạt 84 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI giảm xuống 60 điểm, tâm lý thị trường thận trọng hơn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm dần về cuối phiên trước áp lực cung hàng bắt đáy trong phiên đầu tuần về tài khoản. Đà giảm khởi đầu từ nhóm cổ phiếu nhỏ mang tính đầu cơ đã tăng nóng như PVT, TDH... và lan sang thị trường chung. Khối lượng bán không nhỏ, tuy nhiên lực cầu bắt đáy khá tốt, thị trường chỉ giảm điểm nhẹ với KLGD tăng so với phiên trước.

Thị trường dự báo dao động giằng co quanh mốc 500 điểm phiên ngày mai. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm tiếp nối của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy, với ngưỡng cản gần nhất là khoảng 513 điểm. Dòng tiền dự báo sẽ quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu có KQKD tốt chưa tăng nhiều trong thời gian qua. Trong thời điểm hiện tại nhà đầu tư nên duy trì trạng thái và có thể xem xét tái cơ cấu danh mục theo hướng chuyển sang cổ phiếu cơ bản tốt, chốt lãi các cổ phiếu đầu cơ đã tăng nóng.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.24 điểm (0.39%), xuống 61.89 điểm. Mức thấp nhất của chỉ số trong phiên là 61.77 điểm.

- KLGD tăng 18% so với phiên trước, lên 36 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI giảm nhẹ xuống 61 điểm, tâm lý thị trường vẫn nghiêng về lạc quan, chỉ báo MACD tiếp tục cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm và áp lực cung hàng bắt đáy từ đầu tuần về tài khoản. Khối lượng bán không nhỏ, tuy nhiên lực cầu bắt đáy khá tốt, thị trường chỉ giảm điểm nhẹ với KLGD tăng so với phiên trước. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Chúng tôi duy trì quan điểm xu hướng tăng điểm của thị trường chưa kết thúc với ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm là khoảng 63 điểm. Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ hoặc gia tăng tỷ trọng cổ phiếu ở mức độ vừa phải, ưu tiên vào cổ phiếu cơ bản có thanh khoản cao.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
2	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
3	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
4	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
5	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
6	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
7	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
8	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%
9	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
10	KSD	HNX	15.57	66.8%	1.11	223.3%	56.03	46.3%	-1.32	3.9%	-44.0%	0.1%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FCM	HOSE	22.69	#DIV/0!	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20475.0%	17.1%	4.2%
2	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
3	ORS	HNX	1.94	47.5%	-1.24	-138.5%	7.36	46.0%	-1.62	415.4%	-77.1%	0.0%
4	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
5	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
6	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%
7	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
8	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%
9	SRC	HOSE	253.58	95.4%	14.79	98.0%	737.14	87.6%	51.54	148.0%	105.7%	4.6%
10	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
2	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
3	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%
4	PGD	HOSE	1721.1	122.0%	60.02	126.6%	4768.54	117.5%	202.81	128.9%	156.7%	3.1%
5	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
6	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
7	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
8	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
9	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%
10	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%

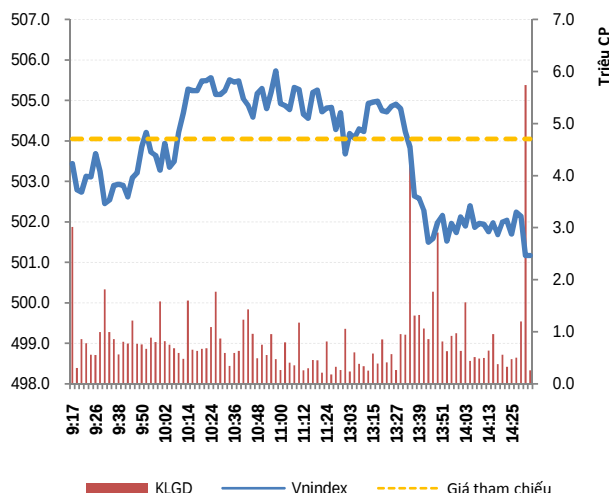
Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

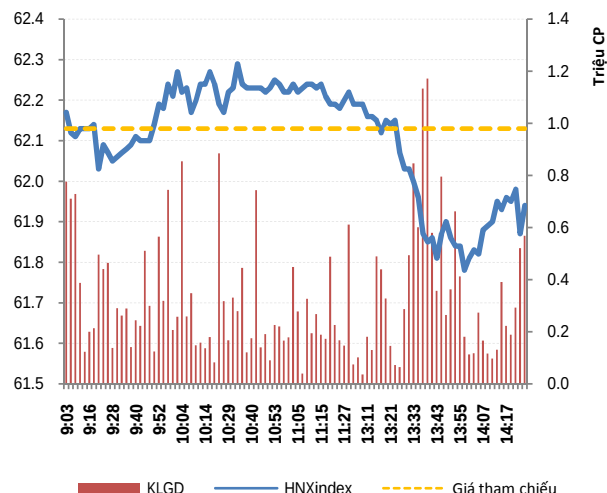
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 24/10/2013.

KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

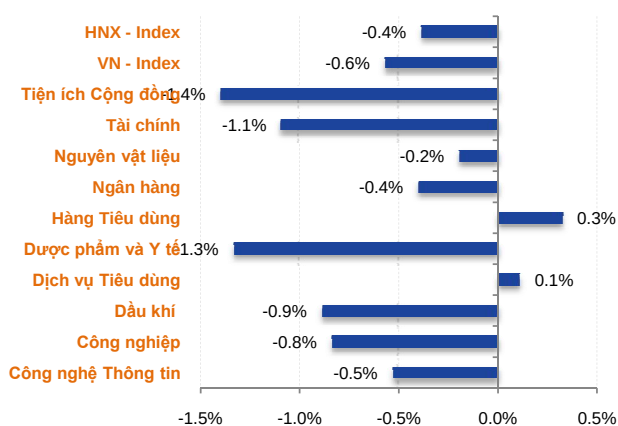
KLGD và VN-Index trong phiên



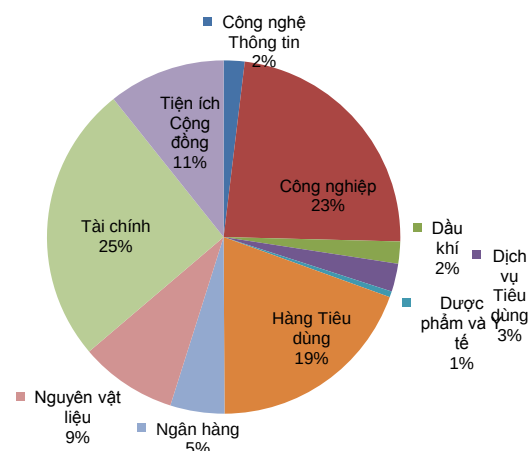
KLGD và HNX-Index trong phiên



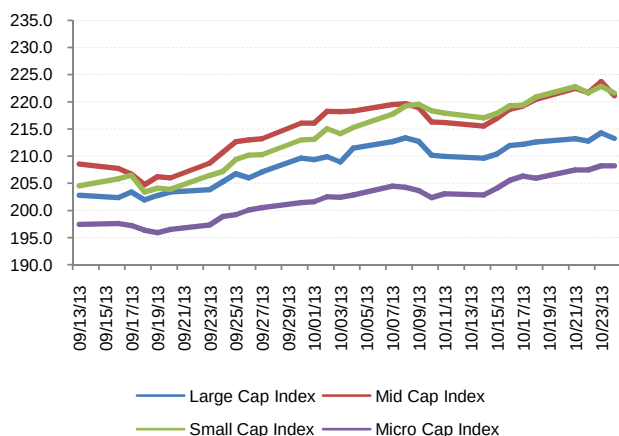
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



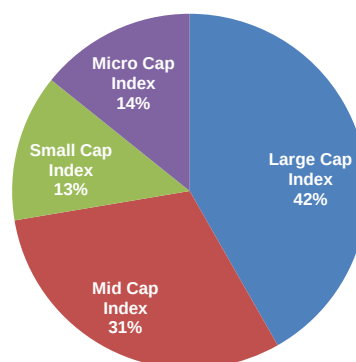
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PPC	559,100	HAG	359,200
2	KBC	465,700	PVT	135,900
3	DPM	306,930	HBC	123,000
4	BVH	251,360	VSH	103,740
5	TDH	241,210	GAS	94,770

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	658,800	DBC	67,000
2	IDJ	209,400	PGS	42,300
3	ICG	203,100	PVS	25,400
4	SDH	192,000	HMH	18,100
5	PVX	178,800	BVS	17,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVT	10.5	9.8	↓ -6.67%	7,963,870
ITA	6.5	6.2	↓ -4.62%	5,367,660
PPC	20.6	20.7	↑ 0.49%	4,606,600
OGC	10.8	10.7	↓ -0.93%	3,444,650
IJC	7.9	7.4	↓ -6.33%	3,248,170

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VCG	9.4	9.6	↑ 2.30%	4,984,487
NVB	6.5	6.7	↑ 3.72%	4,313,514
SHB	7.1	7.0	↓ -1.54%	2,636,487
PVX	2.4	2.3	↓ -3.75%	2,396,513
SCR	6.0	6.0	↓ -0.53%	2,253,241

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VHG	10.2	10.9	0.7	↑ 6.86%
NBB	14.6	15.6	1.0	↑ 6.85%
NHW	13.2	14.1	0.9	↑ 6.82%
HLG	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%
BCI	14.0	14.9	0.9	↑ 6.43%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSD	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
MIM	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
CTN	5.1	5.6	0.5	↑ 9.80%
TAG	37.0	40.6	3.6	↑ 9.73%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	33.0	30.7	-2.3	↓ -6.97%
LHG	8.9	8.3	-0.6	↓ -6.74%
ASIAGF	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
PVT	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
UDC	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.33%
SHN	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.38%
GGG	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.25%
HCT	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
FDT	33.3	30.0	-3.3	↓ -9.91%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	7,963,870	5.6%	630	15.6	0.8
ITA	5,367,660	0.3%	31	202.6	0.5
PPC	4,606,600	39.7%	6,105	3.4	1.3
OGC	3,444,650	-0.4%	(39)	-	1.0
IJC	3,248,170	3.6%	390	19.0	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	4,984,487	1.3%	150	62.6	0.8
NVB	4,313,514	-2.4%	(264)	-	0.6
SHB	2,636,487	-2.9%	(335)	-	0.6
PVX	2,396,513	-67.8%	(4,616)	-	0.6
SCR	2,253,241	-3.1%	(450)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VHG	↑ 6.9%	15.8%	2,453	4.4	0.6
NBB	↑ 6.8%	13.8%	8,961	1.7	0.2
NHW	↑ 6.8%	11.4%	1,413	10.0	1.1
HLG	↑ 6.8%	-13.4%	(1,540)	-	0.6
BCI	↑ 6.4%	1.9%	462	32.3	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSD	↑ 10.0%	-10.7%	(692)	-	0.3
MIM	↑ 10.0%	-5.2%	(594)	-	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
CTN	↑ 9.8%	-0.5%	(87)	-	0.4
TAG	↑ 9.7%	2.3%	457	88.9	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	559,100	39.7%	6,105	3.4	1.3
KBC	465,700	-10.2%	(1,412)	-	0.7
DPM	306,930	28.7%	7,064	5.9	1.6
BVH	251,360	9.0%	1,607	25.3	2.2
TDH	241,210	0.1%	49	251.8	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	658,800	-2.9%	(335)	-	0.6
IDJ	209,400	-1.9%	(185)	-	0.3
ICG	203,100	-4.0%	(485)	-	0.5
SDH	192,000	-16.1%	(1,276)	-	0.6
PVX	178,800	-67.8%	(4,616)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	121,280	41.6%	6,429	10.0	3.8
VNM	118,353	40.5%	7,699	18.4	7.0
VCB	69,291	9.9%	1,785	16.8	1.7
CTG	65,160	19.2%	2,586	6.8	1.2
VIC	60,430	38.3%	4,975	13.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,103	16.4%	2,738	5.8	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	579	41.4	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	2.48	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
GMD	2.23	4.7%	1,866	15.5	0.7
TS4	2.21	8.1%	1,518	5.5	0.5
PPC	2.21	39.7%	6,105	3.4	1.3
PET	2.15	15.1%	2,689	8.1	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	4.18	1.3%	135	22.9	0.3
HDA	3.91	14.3%	1,841	6.1	0.9
PVV	3.86	-24.8%	(2,293)	-	0.3
HNM	3.81	3.6%	385	18.7	0.7
PVA	3.71	-108.8%	(6,781)	-	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)